TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **19**/2023/QĐST-HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 24 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965. Cùng trú tại: 185 Châu Thị Vĩnh T, tổ 19, phường M, quận Ng, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị T kết hôn vào năm 1985, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: quá trình chung sống, hai vợ chồng có nhiều điểm không hợp dẫn đến xung đột với nhau; mâu thuẫn như vậy kéo dài cho đến nay vẫn không thay đổi, từ năm 2013 ông bà sống ly thân không ai quan tâm gì nhau. Nay ông An và bà Tú xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Thấy, mâu thuẫn giữa ông A và bà T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Ông A và bà T xác định có 02 con chung là Nguyễn Thị Tố Tr, sinh năm 1988 và Nguyễn Anh V, sinh năm 1994. Hiện nay hai con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông A và bà T mỗi người chịu ½ là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0009529 ngày 20/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Tthuận tình ly hôn (Giấy công nhận kết hôn số 109, đăng ký ngày 12/12/1985 của Uỷ ban nhân dân Thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng không còn giá trị).

- Về quan hệ con chung: có 02 con chung là Nguyễn Thị Tố Tr, sinh năm 1988 và Nguyễn Anh V, sinh năm 1994. Hiện nay hai con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông A và bà T mỗi người chịu ½ là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0009529 ngày 20/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND Thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (theo Giấy CNKH số 109, ngày 12/12/1985).
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

đãký

Lương Thị Anh